TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 4 năm 2024
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Doanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Gia Khải;
2. Bà Nguyễn Thị Hường.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/3/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 12/2024/QĐST- HNGĐ ngày 08/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Lê Phương T, sinh năm 2002

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh B vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt nguyên đơn chị Trần Lê Phương T có yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn B có tự do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/5/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh B ở Thôn T, xã Q, huyện Q. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, nhiều lần được chị khuyên bảo nhưng anh B vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng vào tháng 10/2023 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã D, huyện Thái Thụy sinh sống, vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm hỏi han gì đến nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết, hiện chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt nên không có lời khai.

- Tại biên bản xác minh với ông Nguyễn Văn B (bố đẻ của anh Nguyễn Văn B), địa chỉ tại Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Về hôn nhân: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như Chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng Chị T anh B chung sống tại gia đình ông tại Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống giữa vợ chồng chị Thảo, anh B thì ông thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì với nhau, khoảng tháng 9/2022 anh B có vào Miền Nam làm ăn, Chị T vẫn sinh sống cùng gia đình ông. Đến khoảng tháng 10/2022 mẹ đẻ Chị T có sang nhà xin phép gia đình ông cho Chị T về Thái Thụy sinh sống và làm việc, từ khi về Thái Thụy sinh sống Chị T có đôi lần về gia đình ông sau đó lại về ngay. Nay Chị T có đơn xin ly hôn anh B, gia đình ông không có ý kiến gì do đây là chuyện riêng của vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng chị Thảo, anh B không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có.

Ông Bồi cũng trình bày thêm anh Nguyễn Văn B vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã Q, huyện Q. Hiện nay anh B đang đi làm ăn trong Miền Nam, địa chỉ cụ thể như thế nào ông không nắm rõ, anh B vẫn liên lạc về gia đình và khi gia đình có công việc anh vẫn trở về. Ông đã nhận các văn bản tố tụng mà Tòa án gửi cho anh B và đã thông báo đầy đủ cho anh B biết việc Chị T làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án nhưng anh B không có ý kiến gì.

- Tại biên bản xác minh tại cơ sở Thôn T, xã Q, huyện Q thể hiện:

Về hôn nhân: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như Chị T bày là đúng, sau khi kết hôn, vợ chồng chị Thảo, anh B chung sống tại gia đình anh B ở Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống giữa vợ chồng chị Thảo, anh B cơ sở không thấy vợ chồng có mâu thuẫn gì với nhau, vợ chồng cũng chưa lần nào đến nhờ cơ sở thôn để hòa giải. Khoảng tháng 10/2023 Chị T không còn sinh sống tại gia đình anh Nguyễn Văn B nữa. Nay Chị T có đơn xin ly hôn anh B cơ sở thôn đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng được đoàn tụ, trường hợp hòa giải không thành đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chị Thảo, anh B không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Cơ sở thôn không nắm được.

Ngoài ra cơ sở thôn còn cung cấp: Anh Nguyễn Văn B hiện vẫn có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã Q, huyện Q, anh B đi lao động tự do, địa chỉ cụ thể như thế nào cơ sở không nắm rõ, tuy nhiên khi gia đình có công việc anh B vẫn về địa phương.

- Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng chấp nhận toàn

bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa chị Trần Lê Phương T và anh Nguyễn Văn B là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Q, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện không có mặt tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, không cung cấp cho nguyên đơn biết địa chỉ hiện nay ở đâu là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa ngày 08/4/2024 vắng mặt anh B do đó Tòa án đã hoãn phiên tòa, ấn định lại thời gian xét xử vào ngày 17/4/2024, anh B vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Vì vậy, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân và địa chỉ của bị đơn. Vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, hôn nhân của chị Trần Lê Phương T và anh Nguyễn Văn B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/5/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh B, Chị T phát sinh mâu thuẫn, Chị T cho rằng anh B chơi bời dẫn đến nợ nần, nhiều lần chị khuyên bảo nhưng anh B vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay, không ai quan tâm hỏi han gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết được việc Chị T xin ly hôn nhưng anh B không trực tiếp đến Tòa án trình bày quan điểm hay thông qua gia đình để thể ý kiến của mình. Điều đó chứng tỏ anh B không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho Chị T được ly hôn anh B là phù hợp với Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị Thảo, anh B không có con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, anh B không có ý kiến, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Lê Phương T được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng không có con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Lê Phương T phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* Chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0004607 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Lê Phương T và anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Quốc Doanh